

**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THÀNH CHÂU**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THÀNH CHÂU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THANH CHAU MANUFACTURING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2301230258

**3. Ngày thành lập:** 06/01/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Xuân Quan, Xã Trí Quả, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0989082859

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4520     |
| 2.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>Đại lý bán hàng hóa<br>Môi giới mua bán hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4610     |
| 3.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4651     |
| 4.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4652     |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) | 4659     |
| 6.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá và hoạt động nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4669     |
| 7.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 8230     |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8299     |

|     |                                                                                                 |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 9.  | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                       | 9511        |
| 10. | Lập trình máy vi tính                                                                           | 6201        |
| 11. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                             | 6202        |
| 12. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                 | 6209        |
| 13. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                              | 6311        |
| 14. | Cổng thông tin<br>(Trừ hoạt động báo chí)                                                       | 6312        |
| 15. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Các dịch vụ thông tin qua điện thoại | 6399        |
| 16. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ       | 7212        |
| 17. | Quảng cáo<br>(Trừ loại Nhà nước cấm)                                                            | 7310        |
| 18. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                        | 7320        |
| 19. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Thiết kế website; thiết kế đồ họa.                  | 7410        |
| 20. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu                         | 7490        |
| 21. | Cho thuê xe có động cơ<br>(Trừ loại nhà nước cấm)                                               | 7710        |
| 22. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ hoạt động nhà nước cấm và hoạt động đấu giá)                          | 4690        |
| 23. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                      | 2610(Chính) |
| 24. | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                       | 2620        |
| 25. | Sản xuất thiết bị truyền thông                                                                  | 2630        |
| 26. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                              | 2640        |
| 27. | Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)   | 2817        |
| 28. | Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ                              | 4783        |
| 29. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>( Trừ đấu giá)                       | 4791        |
| 30. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>( Trừ đấu giá)                                  | 4799        |
| 31. | Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành                                                 | 4921        |
| 32. | Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh                        | 4922        |
| 33. | Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác                                                       | 4929        |
| 34. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)             | 4931        |

|     |                                                                                                                           |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 35. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng                                 | 4932 |
| 36. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô<br>(Loại trừ hoạt động nhà nước cấm) | 4933 |
| 37. | Vận tải hành khách ven biển và viễn dương                                                                                 | 5011 |
| 38. | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương                                                                                   | 5012 |
| 39. | Vận tải hành khách đường thủy nội địa                                                                                     | 5021 |
| 40. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                       | 5022 |
| 41. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                               | 5210 |
| 42. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy                                                                 | 5222 |
| 43. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                          | 5224 |
| 44. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                   | 5225 |
| 45. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>( Trừ vận tải hàng không)                                          | 5229 |
| 46. | Xuất bản phần mềm<br>(Trừ hoạt động xuất bản phẩm)                                                                        | 5820 |
| 47. | Cho thuê băng, đĩa video                                                                                                  | 7722 |
| 48. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không<br>kèm người điều khiển                                         | 7730 |
| 49. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn<br>thông trong các cửa hàng chuyên doanh                 | 4741 |
| 50. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                 | 4742 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: MAN THỊ HUƠNG

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 09/03/1989 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027189001694

Ngày cấp: 31/03/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự  
xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Xuân Quan, Xã Trí Quả, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh,  
Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Xuân Quan, Xã Trí Quả, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh,  
Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: MAN THỊ HƯƠNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 09/03/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027189001694

Ngày cấp: 31/03/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Xuân Quan, Xã Trí Quả, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Xuân Quan, Xã Trí Quả, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh